

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2020/DS-ST

Ngày: 06-11-2020

V/v “T/c Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T-TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh L

2. Bà Trần Thị N

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh K - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn L, sinh năm 1969

Bà Trần Thị D, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: ấp Nguyễn Rót, xã Hậu T Đ, huyện Tân T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1967

Bà Lê Thị K, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: ấp Nguyễn Lộc, xã Hậu T Đ, huyện Tân T, tỉnh Long An.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn ông Lê Văn L và bà Trần Thị D trình bày: Năm 2018 vợ chồng chúng tôi và vợ chồng bà K, ông H bàn bạc cùng nhau hùn nuôi cá tra bột. Ông và bà có vốn, còn bà K và ông H có đất đào ao nuôi cá, đến khi thu hoạch có lãi cùng chia, nếu lỗ hai bên cùng chịu. Qua nhiều lần thu hoạch tổng kết ngày càng lỗ và hai bên bàn dừng lại không nuôi tiếp, khi cộng sổ lỗ số tiền 680.000.000đồng, nên vợ chồng ông H, bà K

viết biên nhận nợ 340.000.000đồng. Nay ông, bà yêu cầu vợ chồng ông H, bà K trả số tiền 340.000.000đồng và yêu cầu trả lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 16/4/2020 âm lịch đến ngày xét xử .

Bị đơn ông Huỳnh Thanh H và bà Lê Thị K trình bày: Vào năm 2018 vợ chồng ông, bà và vợ chồng em L, cô D hùn nuôi cá tra bột, bên ông có đất còn bên vợ chồng chú L có tiền, nếu có lời hoặc lỗ thì chia đôi. Trong quá trình nuôi cá bị tiêu hao thất thoát nhiều và cá không có giá dẫn đến thua lỗ, nên chúng tôi ngưng nuôi. Sau khi tính toán sổ sách tiền bạc thì vợ chồng tôi còn nợ vợ chồng chú L, cô D 340.000.000đồng. Nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng tôi xin trả từng vụ lúa trong thời hạn 03 năm. Còn tiền lãi do không có thỏa thuận, nên xin không trả lãi.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Tranh chấp giữa vợ chồng ông Lê Văn L, bà Trần Thị D với vợ chồng ông Huỳnh Thanh H, bà Lê Thị K là tranh chấp dân sự. Căn cứ Điều 26, 35, 39 BLTTDS năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về nội dung:*

2.1 Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án vợ chồng ông L, bà D cung cấp chứng cứ cho Tòa án 01 biên nhận ngày 16/4/2020 âm lịch. Nội dung biên nhận có ghi “Tôi tên Huỳnh Thanh H cùng vợ là Lê Thị K có nhận nợ của cậu mợ 7 L số tiền là 340.000.000đồng (*Ba trăm bốn mươi triệu chẵn*)...”.

2.2 Tháng 8/2018 vợ chồng ông L và vợ chồng ông H bàn bạc thống nhất với nhau hùn nuôi cá tra bột. Ông L, bà D có vốn còn ông H và bà K có đất ruộng để đào ao nuôi cá. Trong thời gian đầu nuôi có lãi, sau đó do cá tra bột không có giá cũng như cá hay bị bệnh nên nuôi cá ngày càng bị lỗ, đến tháng 09/2019 hai bên thống nhất ngưng nuôi cá, thì hai bên tính toán lại sổ sách và số tiền bị lỗ 680.000.000đồng, nhưng vì ông L, bà D bỏ vốn ra nên mỗi bên pH chịu $\frac{1}{2}$ số tiền lỗ là 340.000.000đồng.

2.3 Xét thấy tại phiên tòa phía vợ chồng ông H và bà K đều thống nhất số tiền nuôi cá bị lỗ, cũng như thừa nhận biên nhận nợ ngày 16/4/2020 âm lịch là do ông H viết cùng vợ bà K đã ký tên. Như vậy, xác định vợ chồng ông H, bà K nợ vợ chồng ông L, bà D số tiền 340.000.000đồng, nên tại phiên tòa ông L, bà D yêu cầu vợ chồng ông H và bà K trả số tiền còn nợ là phù hợp.

2.4 Về thời gian trả nợ, tại phiên tòa vợ chồng ông L, bà D yêu cầu vợ chồng ông H, bà K trả 01 lần dứt điểm số tiền nợ 340.000.000đồng, vì sau khi ngưng nuôi cá gia đình ông H đã làm được 02 vụ lúa mà không chịu trả số tiền nợ. Xét thấy trong biên nhận nợ ngày 16/4/2020 âm lịch không ghi thời gian ông H, bà K trả nợ cho vợ chồng ông L, bà D. Tuy nhiên, vợ chồng ông L, bà D đến

nhắc nhở và yêu cầu bên ông H, bà K trả nhiều lần nhưng bên vợ chồng ông H, bà K hứa hẹn và xin cho trả làm nhiều lần mà không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ với vợ chồng ông L, bà D. Do đó ông L và bà D yêu cầu vợ chồng ông H, bà K trả một lần là có cơ sở.

[3] Về lãi suất, tại phiên tòa vợ chồng ông L, bà D yêu cầu trả lãi theo quy định pháp của pháp luật tính từ ngày 16/4/2020 âm lịch đến ngày xét xử. Xét thấy đối với biên nhận nợ ngày 16/4/2020 âm lịch giữa hai bên vợ chồng ông L, bà D và vợ chồng ông H, bà K không có ghi nhận việc trả lãi. Tuy nhiên, từ khi viết biên nhận nợ vợ chồng ông L, bà D có đến nhắc nhở vợ chồng ông H, bà K trả nợ nhưng ông H, bà K không thực hiện. Như vậy do ông H, bà K chậm thực hiện trả nợ nên yêu cầu tính lãi của vợ chồng ông L, bà D là có cơ sở.

3.1 Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”. Vậy lãi suất được áp dụng 10%/năm tức là 0,8333%/ tháng được tính từ ngày 16/4/2020 âm lịch tức ngày 08/5/2020 dương lịch đến ngày 06/11/2020 là 05 tháng 28 ngày tính như sau:

$340.000.000\text{đồng} \times 0.83333\% \times 05 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 16.810.300\text{đồng}$ (lấy tròn)

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử buộc vợ chồng ông H, bà K có nghĩa vụ trả ông L và bà D số tiền nợ 340.000.000đồng và số tiền lãi 16.810.300đồng, tổng cộng 02 khoản 356.810.300đồng.

[5] Về án phí: ông H và bà K có nghĩa vụ trả nợ nên pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; ông L và bà D không pH chịu án phí nên được hoàn trả theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L, bà Trần Thị D.

2. Buộc ông Huỳnh Thanh H, bà Lê Thị K có nghĩa vụ trả ông Lê Văn L và bà Trần Thị D số tiền 356.810.300đồng (*Ba trăm năm mươi sáu triệu tám trăm mười nghìn ba trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Huỳnh Thanh H, bà Lê Thị K pH chịu 17.840.515 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Ông Lê Văn L, bà Trần Thị D không pH chịu án phí nên được hoàn trả lại 8.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001180 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn H